

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 259/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982; căn cước công dân số: 031182008744; nơi cư trú: Số 9/112 Lê Lợi, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thế P, sinh năm 1982; căn cước công dân số: 031082002444; nơi cư trú: Tổ dân phố An Lư, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 27 tháng 5 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị Nguyễn Thị Q kết hôn với anh Trần Thế P trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng ngày 14/4/2021. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặt khác anh Phương không chăm lo làm ăn kinh tế và cuộc sống gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, cuộc sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên chị và anh Phương đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nguyễn Thị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Thế P. Chị và anh Trần Thế P không có con chung và không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16 tháng 7 năm 2026, bị đơn anh Trần Thế P trình bày:

Anh Trần Thế P kết hôn với chị Nguyễn Thị Q trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/4/2021. Sau kết hôn vợ chồng anh chúng sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nguyễn Thị Q có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh Phương vợ chồng không còn khả năng quay về đoàn tụ nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q. Anh và chị Quý không có con chung và không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên anh Trần Thế P đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P. Về con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, xác nhận thông tin cư trú; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai của đương sự; Đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; Biên bản xác minh tại Công an phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Thế P có nơi cư trú tại phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Thế P vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thế P.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/4/2021 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị Quý và anh Phương đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm

2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Quý xin ly hôn, anh Phương đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Trần Thế P.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Thế P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006766 ngày 02 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thế P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà